

Tăng cường phối hợp hoạt động giữa các cơ quan TT-TV



Nhận thức rõ về lợi ích của sự phối hợp hoạt động giữa các cơ quan thông tin thư viện ở nước ta, Thư viện Quốc gia Việt Nam (TVQG), năm 2004, đã có công văn gửi tới các thư viện lớn trong cả nước nhằm bàn bạc để dần đi tới một chương trình cụ thể trong lĩnh vực này.

Trong công văn này, TVQG đề nghị các thư viện, cơ quan thông tin lớn cho biết về các hướng hoạt động cần ưu tiên phối hợp? Cần thống nhất các chuẩn nghiệp vụ gì? Cơ quan mình có thể tham gia vào hướng nào? Kinh phí cho sự phối hợp đó lấy từ đâu? Cơ quan nào đứng ra làm đầu mối chính của sự đề xuất đó... Rất tiếc rằng do nhiều lý do khách quan hội nghị này đã không tổ chức được. Tuy vậy, qua báo cáo của 5 thư viện, cơ quan thông tin gửi tới, chúng ta có thể đưa ra một số hướng hoạt động ưu tiên cần phối hợp giữa các thư viện lớn ở nước ta và biện pháp thực hiện trong thời gian tới. Nhưng trước khi đề cập tới vấn đề cốt lõi đó, chúng tôi xin điểm lại một số nét về quá trình hợp tác trong lĩnh vực thư viện ở nước ta thời gian qua.

1. Lịch sử phối hợp hoạt động giữa các thư viện ở nước ta

Phối hợp và hợp tác giữa các thư viện trên thế giới có lịch sử hàng trăm năm nay nhưng nó chỉ thực sự phát triển mạnh từ cuối thế kỷ XIX. Những hình thức chủ yếu của phối hợp trong thời gian dài là biên soạn mục lục liên hợp, trao đổi sách, mượn giữa các thư viện... Trong những năm 40 50 của thế kỷ XX còn thêm phối hợp bổ sung và hiện nay là tạo lập các cơ sở dữ liệu (CSDL)... Sự phối hợp mang lại nhiều lợi ích, hiệu quả như tiết kiệm được một số khoản tài chính, nhân lực... và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thư viện thành viên.

Ở Việt Nam, trước khi có Quyết định 178/CP ngày 16/9/1970 của Hội đồng Chính phủ "Về công tác thư viện", các thư viện nước ta hầu như chưa có sự phối hợp trong bất kỳ hoạt động nào. Sự hỗ trợ của TVQG trong đào tạo cán bộ, cung cấp vốn sách ban đầu cho nhiều thư viện, kể cả các thư viện khoa học và chuyên ngành trong những năm đầu mới giải phóng miền Bắc không thể gọi là sự phối hợp. Sự tham gia của một số thư viện khoa học đa ngành, chuyên ngành vào việc thành lập các thư viện kết nghĩa với các tỉnh miền Nam trong các thập niên 1960 1970 do Bộ Văn hoá phát động cũng khó tìm thấy những yếu tố của sự phối hợp thực sự giữa các thư viện, cơ quan thông tin nước ta. Nhưng từ năm 1970 trở đi, nhất là sau khi thành lập Hội đồng Thư viện trực thuộc Bộ Văn Hoá (1972) với thành phần gồm các thư viện lớn ở Hà Nội, công tác phối hợp hoạt động giữa các thư viện đã có những tiến bộ đáng kể. Trực thuộc Hội đồng Thư viện có 3 tiểu ban:

Tiểu ban về soạn thảo quy tắc biên mục với Thư viện Khoa học kỹ thuật Trung ương (KHKT TU' nay là Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia) làm Trưởng Tiểu ban;

Tiểu ban về xây dựng Tổng mục lục tài liệu dân tộc với Thư viện Khoa học xã hội Trung ương (KHXH TU' nay là Viện Thông tin KHXH) làm Trưởng Tiểu ban;

Tiểu ban về phối hợp Bổ sung tài liệu nước ngoài do TVQG làm Trưởng Tiểu ban;

Mỗi tiểu ban đều có đại diện các thư viện lớn ở Hà Nội tham gia.

Tuy nhiên, hoạt động của các tiểu ban này không thật sự hiệu quả:

Quy tắc mô tả tài liệu đã được biên soạn khá tốt nhưng do bất đồng của các thành viên về tiêu đề mô tả tác giả cá nhân là người Việt Nam (lấy họ hay tên để mô tả) nên cuối cùng Quy tắc này không thông qua được.

Tiểu ban về biên soạn Tổng Mục lục ấn phẩm dân tộc đã tiến hành nhiều cuộc họp nhưng do tính phức tạp và rộng lớn của vấn đề, sự hạn chế về nhân sự, tài chính... nên cũng chưa đưa ra được một Tổng Mục lục cụ thể.

Tiểu ban về phối hợp bổ sung tài liệu nước ngoài đã biên soạn và xuất bản được một số bản thư mục. TVQG kết hợp với các thư viện, viện thông tin cấp trung ương ở Hà Nội như Thư viện KHKT TU', Thư viện KHXH TU', Thư viện Trung ương Quân đội... biên soạn mục lục liên hợp sách ngoại văn mới nhập vào các cơ quan đó.

Năm 1979, TVQG phối hợp với các thư viện trên biên soạn và phát hành "Mục lục liên hợp tạp chí nước ngoài về nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp" với 434 tên tạp chí. Năm 1982, Thư viện KHKT TU' biên soạn và xuất bản "Mục lục liên hợp tạp chí nước ngoài: kỹ thuật và kinh tế kỹ thuật" với 17 thư viện tham gia và

bao quát 1.995 tên tạp chí, phân ra làm 2 tập. Rất tiếc rằng những cố gắng trên đã không được tiếp tục trong những năm sau này. Trong thập niên 1990 một số thư viện lớn ở Hà Nội cũng đã tổ chức vài cuộc họp bàn về phối hợp bổ sung tài liệu nước ngoài ngoài khuôn khổ của Tiểu ban nhưng những hoạt động thực tế để thực hiện những gì đã bàn thì chưa được tổ chức.

Do kết quả quá nghèo nàn nên vào cuối những năm 1980, các tiểu ban trên đã tự động ngừng hoạt động làm cho Hội đồng Thư viện cũng đã kết thúc sứ mệnh lịch sử của mình.

2. Các điều kiện để sự phối hợp thành công

Thực tiễn của sự phối hợp, hợp tác trong lĩnh vực thư viện đã cho thấy nhiều dự án, chương trình phối hợp thành công nhưng cũng có không ít dự án hiệu quả thấp và thậm chí bị thất bại. Những chương trình, dự án phối hợp có kết quả như mong muốn cần một số điều kiện sau:

Nghiên cứu để tìm ra những lĩnh vực, công việc, điều kiện có thể phối hợp thông qua tình hình thực tế của các thư viện. Kết quả của việc này là xây dựng và thông qua được đề án, chương trình phối hợp, hợp tác với các mục tiêu, kết quả dự kiến và thành viên tham gia.

Quan điểm của những đơn vị tham gia vào hợp tác lúc nào cũng phải trùng hợp nhau mặc dù đặc điểm và lợi ích của chúng khác nhau. Muốn vậy, cần xác định rõ ràng chức trách, quyền hạn của mỗi bên tham gia chương trình phối hợp, hợp tác thông qua việc các bên ký kết một thỏa thuận trong đó ghi rõ trách nhiệm và lợi ích của mỗi bên và tạo lập cơ chế mà tất cả các thành viên tham gia đều có lợi.

Hàng rào pháp lý và hành chính (có quá nhiều các cấp chính quyền điều hành, thiếu cơ sở pháp lý...).

Cơ cấu tổ chức của chương trình phối hợp, hợp tác không ổn định. Do được thành lập trên tinh thần tự nguyện nên trong quá trình vận hành có thể có những thành viên rút lui, có thể có những thành viên mới gia nhập. Mặt khác, trong trường hợp nếu chỉ một số ít thành viên không thực hiện các cam kết thì số phận của các chương trình đó có thể bị đe dọa, thậm chí bị ngừng hoạt động. Việc điều hành những chương trình phối hợp như vậy cực kỳ khó khăn vì các bên tham gia có tư cách ngang nhau, không ai phụ thuộc ai, nên phải có thư viện nào đó đứng đầu, chịu trách nhiệm điều hành việc phối hợp. Cần tạo lập một cơ quan điều hành và kiểm tra hoạt động của chương trình phối hợp, hợp tác nhằm giải quyết các bất đồng nảy sinh trong quá trình thực hiện. Những quyết định của hội đồng cần phải mang tính thẩm quyền, chuyên môn cao và do đó có sức thuyết phục các thành viên thực hiện.

Hàng rào vật chất và địa lý (khoảng cách giữa các thư viện, khả năng tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật, sự không tương hợp của trang thiết bị, không đủ nhân viên có chuyên môn, thiếu sự quản lý sáng tạo...).

Ngoài ra, còn có một số nguyên nhân liên quan đến bản thân cán bộ thư viện tham gia vào sự phối hợp:

Hàng rào tâm lý (nỗi sợ mất tính độc lập, sự thờ ơ và không quan tâm đến các chương trình phối hợp, hợp tác v.v...);

Không đủ tri thức và kinh nghiệm về lĩnh vực cần phối hợp;

Hàng rào truyền thống và lịch sử (sợ phải làm việc nhiều mà không có sự đãi ngộ cần thiết, sợ thay đổi những cái hiện đang làm...).

3. Những hướng phối hợp trong hoạt động thông tin thư viện ở nước ta trong thời gian tới

3.1. Đề xuất của các cơ quan thông tin thư viện

Thông qua trả lời của các cơ quan thông tin thư viện, chúng tôi xin tổng hợp một số hướng được đề xuất cần có sự phối hợp hoạt động sau:

Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia:

Thành lập Hội đồng bổ sung tài liệu nước ngoài bao gồm đại diện các thư viện chủ chốt được Nhà nước cấp ngoại tệ và Vụ Thư viện, Vụ Khoa học xã hội và tự nhiên (Bộ Khoa học & Công nghệ), Vụ Văn xã (Bộ Tài chính). Hội đồng có quy chế hoạt động và có bộ máy giúp việc (kiêm nhiệm), đồng thời xây dựng các chính sách, đề án, quy chế về bổ sung cho từng giai đoạn 3 năm; hình thành các consortium cùng mua và cùng khai thác các CSDL lớn...

Tạo lập Mục lục liên hợp điện tử của các thư viện Việt Nam do TVQG làm đầu mối.

Xây dựng các CSDL toàn văn tài liệu của Việt Nam do Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia làm đầu mối. Để làm việc đó, Trung tâm đã đề xuất xây dựng các thư viện điện tử theo 4 nhóm sau: Thư viện điện tử chỉ dẫn tài liệu gốc; Thư viện điện tử toàn văn (chủ yếu về KH&CN; Thư viện điện tử về dữ kiện; Thư viện điện tử đa phương tiện: các phim KHCN...

Xây dựng một số chuẩn nghiệp vụ thống nhất của các thư viện Việt Nam (các ISO, bảng phân loại, chuẩn siêu dữ liệu...) do các cơ quan thông tin, thư viện chủ chốt cùng tham gia.

Về nguyên tắc tổ chức và phối hợp, Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia cho rằng cần thành lập hội đồng tư vấn và chỉ đạo chung, trong từng vấn đề (nội dung) có Ban thường trực liên cơ quan.

Viện Thông tin Y học Trung ương:

Trong thời đại bùng nổ thông tin (cả vật mang tin truyền thống và hiện đại), việc phối hợp bổ sung và khai thác tài liệu nước ngoài là rất cần thiết và cấp bách.

Mục lục liên hợp điện tử là giải pháp đúng đắn, khả thi để chia sẻ nguồn lực thông tin.

Xây dựng CSDL toàn văn tài liệu Việt Nam cần thống nhất về phần mềm, loại hình, thời gian xuất bản...

Cần xây dựng các chuẩn nghiệp vụ thống nhất như: Các bảng biểu thống kê, báo cáo, biên mục, bảng phân loại, bảng danh mục chủ đề/từ khoá.

Trung tâm thông tin thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội:

Trong công tác bổ sung, các thư viện cần có những thông báo về các tài liệu mà thư viện mình đặt mua, cần phân công bổ sung báo, tạp chí; thành lập các nhóm thư viện hay trung tâm thông tin có mục tiêu và đối tượng phục vụ tương tự nhau để mua chung các CSDL online hay offline.

Về chuẩn nghiệp vụ: Dịch bảng phân loại DDC ra tiếng Việt (xuất bản lần thứ 21), biên soạn MARC21 Việt Nam trên cơ sở MARC21, phân công xây dựng CSDL toàn văn tài liệu của Việt Nam để tránh trùng lặp. Đối với công tác phục vụ bạn đọc: thành lập mục lục liên hợp điện tử để các thư viện thoả thuận khả năng phục vụ và mượn liên thư viện.

Trung tâm Học liệu Đại học Huế:

Đề xuất ý tưởng về việc cần thiết của liên thông thư viện ở Việt Nam. Cơ sở của sự liên thông, theo đề xuất của cơ quan này là phải chuẩn hoá các vấn đề nghiệp vụ như biên mục tài liệu theo quy tắc biên mục tài liệu tiêu chuẩn quốc tế AACR2; Phân loại tài liệu theo hệ thống phân loại thập phân Dewey; Thiết lập khung đề mục tiếng Việt trên cơ sở tham khảo khung đề mục của Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ; Thiết lập các chỉ mục cho các bài viết trong các ấn phẩm định kỳ; Chọn chương trình máy tính đạt hiệu quả cao nhất trong việc quản lý tài liệu-thông tin và dễ dàng cho việc truy cập của người dùng tin.

Nội dung của sự liên thông là: thực hiện việc cho mượn tài liệu liên thư viện; Phân chia trách nhiệm cho mỗi thư viện thành viên của từng mạng lưới trong việc bổ sung và quản lý một số loại tài liệu in ấn, tài liệu điện tử.

Để thực hiện được các nội dung trên, các thư viện nước ta cần tiến hành phối hợp bổ sung tài liệu; Xây dựng CSDL toàn văn những tài liệu quý hiếm, tài liệu tra cứu của Việt Nam, những luận án, tài liệu địa chí, tạp chí chuyên ngành (trên CD-ROM).

Thư viện trường ĐH Đà Lạt:

Việc tạo mục lục liên hợp điện tử là việc làm cấp thiết hiện nay để phục vụ cho việc chia sẻ tài nguyên và trao đổi liên thư viện thông qua mạng Internet. Về lâu dài, TVQG nên được giao việc biên mục trên ấn phẩm trước khi xuất bản (cataloging in publication). Đồng thời, cần xây dựng các chuẩn nghiệp vụ thống nhất sau:

Khung phân loại: nên chọn một khung PL làm chủ đạo (không nhất thiết phải là DDC) và không nhất thiết phải bỏ hoàn toàn các khung phân loại khác.

Cần phải tổ chức một ban soạn thảo bộ chủ đề đề mục.

Tương tự như với chủ đề đề mục, để đảm bảo tính nhất quán trong mô tả danh xưng cần phải có **Danh mục Danh xưng có kiểm soát** (authority control). Đó là danh sách tất cả tên đã được kiểm soát và thống nhất sử dụng của một tác giả, cơ quan, tổ chức hay hội nghị đã biên soạn nên tác phẩm.

Cần xây dựng chuẩn biên mục máy (MARC) thống nhất cho Việt Nam để các thư viện chia sẻ tài nguyên trên Internet.

Việc quản lý ISBN/ISSN của sách và tạp chí Việt Nam cho tới nay còn rất lộn xộn. TVQG cần thống nhất lại với nhà xuất bản về vấn đề này vì đây cũng là một yếu tố để xác định nguồn gốc tài liệu trên bộ mục lục liên hợp. Xây dựng CSDL Việt Nam. CSDL này là bộ sưu tập tất cả những bài viết hay công trình khoa học về một chuyên đề được số hoá và biên mục để phục vụ tra cứu trực tuyến.

Trung tâm thông tin tư liệu và thư viện Đại học Vinh:

Cần thống nhất trong việc áp dụng các chuẩn dữ liệu và siêu dữ liệu để đảm bảo cho việc liên kết mạng, chia sẻ nguồn lực thông tin.

Việc phối hợp bổ sung vốn tài liệu ngoại văn đang là vấn đề được nhiều thư viện quan tâm, đặc biệt đối với hệ thống thư viện khoa học kỹ thuật và hệ thống thư viện các trường đại học.

TVQG nên xây dựng CSDL toàn văn luận án tiến sĩ của công dân Việt Nam được bảo vệ trong và ngoài nước để phục vụ tra cứu của người dân.

Thư viện Quốc hội và Viện Thông tin KHXH:

Tán thành toàn bộ các vấn đề cần có sự phối hợp giữa các cơ quan thông tin, thư viện nước ta do TVQG nêu ra. Trong khi Thư viện Quốc hội lưu ý một vấn đề hết sức đúng là: Nguồn kinh phí đảm bảo cho các hoạt động nêu trên lấy ở đâu thì Viện Thông tin KHXH lại đưa ra phương án là phối hợp và hợp tác thông qua các dự án, thu hút các nguồn kinh phí đóng góp và tài trợ.

Về cơ quan có thể đứng ra làm tổng điều phối các hoạt động trên, theo ý kiến của hầu hết các thư viện nêu trên, nên là một Ban hoặc Hội đồng điều phối, gồm đại diện các thư viện lớn và được Nhà nước công nhận do TVQG làm chủ tịch hoặc đặt trụ sở ở TVQG. Cũng có ý kiến cho rằng TVQG và Trung tâm thông tin KH&CN có thể đứng ra làm tổng điều phối các hoạt động phối hợp và hợp tác giữa các thư viện ở Việt Nam.

3.2. Những hướng hoạt động ưu tiên cần phối hợp

Từ những gì đã nói ở trên, có thể nêu rất nhiều hoạt động cần sự phối hợp nhưng do mới khởi động lại quá trình này nên chúng tôi cho rằng cần phối hợp ở những hoạt động thật cấp thiết. Trên tinh thần đó, xin nêu các hướng ưu tiên cho phối hợp giữa các thư viện và cơ quan thông tin nước ta trong thời gian tới như sau:

Phối hợp bổ sung tài liệu nước ngoài. Hướng phối hợp này do Trung tâm Thông tin Tư liệu KH&CN Quốc gia làm chủ, có sự phối hợp giữa các thư viện, cơ quan thông tin lớn được nhà nước cấp ngoại tệ. Cơ quan này phụ trách luôn phần tạo lập mục lục liên hợp điện tử các tài liệu ngoại văn nhập vào các thư viện Việt Nam.

Tạo lập CSDL toàn văn các tài liệu dân tộc (của Việt Nam). Hướng phối hợp này do TVQG chủ trì. Trước mắt, trong 5 năm tới, các thư viện lớn của nước ta có thể tạo lập CSDL này gồm những bộ phận sau:

- + Bộ phận CSDL về luận án do TVQG và Thư viện KHTH Tp. Hồ Chí Minh thực hiện; Mảng tài liệu địa chí do các thư viện tỉnh, thành làm.
- + Bộ phận CSDL về Việt Nam học do TVQG và Viện Thông tin KHXH thực hiện;
- + Bộ phận CSDL Sách khoa học kỹ thuật do Trung tâm Thông tin Tư liệu KH&CN Quốc gia và Trung tâm Thông tin Thư viện thuộc Viện Khoa học Việt Nam thực hiện.
- + Bộ phận CSDL Giáo trình Việt Nam do các Trung tâm Thông tin Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh thực hiện.

3.3. Giải pháp thực hiện

Để thực hiện các hướng phối hợp trên, cần làm một số việc sau:

Thành lập một ban điều hành chung và các tiểu ban với những điều lệ, quy chế hoạt động khoa học, chặt chẽ.

Thống nhất các chuẩn nghiệp vụ, đặc biệt là MARC và Bộ từ khoá có kiểm soát hoặc Bộ Đề mục chủ đề quốc gia do Trung tâm Thông tin Tư liệu KH&CN Quốc gia chủ trì phần khoa học kỹ thuật, TVQG và Viện Thông tin KHXH chủ trì phần khoa học xã hội.

Quy chế tổ chức, hoạt động của mượn liên thư viện do TVQG soạn thảo và tổ chức thực hiện thí điểm ở TVQG.

Về mặt tài chính, nhân lực, các thư viện, cơ quan thông tin tham gia dự án phải tự mình bỏ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ngoài ra, Ban Điều hành có thể xin một khoản kinh phí riêng của Chính phủ về thành lập CSDL toàn văn như là một Chương trình có mục tiêu, đồng thời tranh thủ tài trợ của các tổ chức nghề nghiệp, xã hội trong và ngoài nước cho các hoạt động phối hợp này.

Tóm lại, nhu cầu về phối hợp và hợp tác giữa các thư viện, cơ quan thông tin nước ta là có thật và ngày càng trở nên cấp bách. Vấn đề là chúng ta phải làm gì để mong muốn thiết thân đó sớm trở thành hiện thực. Câu trả lời thuộc về các nhà quản lý ngành và các thư viện lớn ở nước ta.

Phạm Thế Khang, Lê Văn Viết

Thư viện Quốc gia Việt Nam

Nguồn: trích từ Tạp chí thư viện số 3/2006